

Bài 7:
ÁO CHEMISE NAM CĂN BẢN BẦU TENANT



Hình 7.1 Hình mẫu minh họa

Bài 7:
ÁO CHEMISE NAM CĂN BẢN BẦU TENANT

7.1 MỤC TIÊU

7.1.1 Về kiến thức

Sinh viên có khả năng:

- Thiết kế được các chi tiết sản phẩm áo chemise nam căn bản bầu tenant theo đúng trình tự.
- Trình bày được cách thức chừa đường may cho chi tiết sản phẩm.

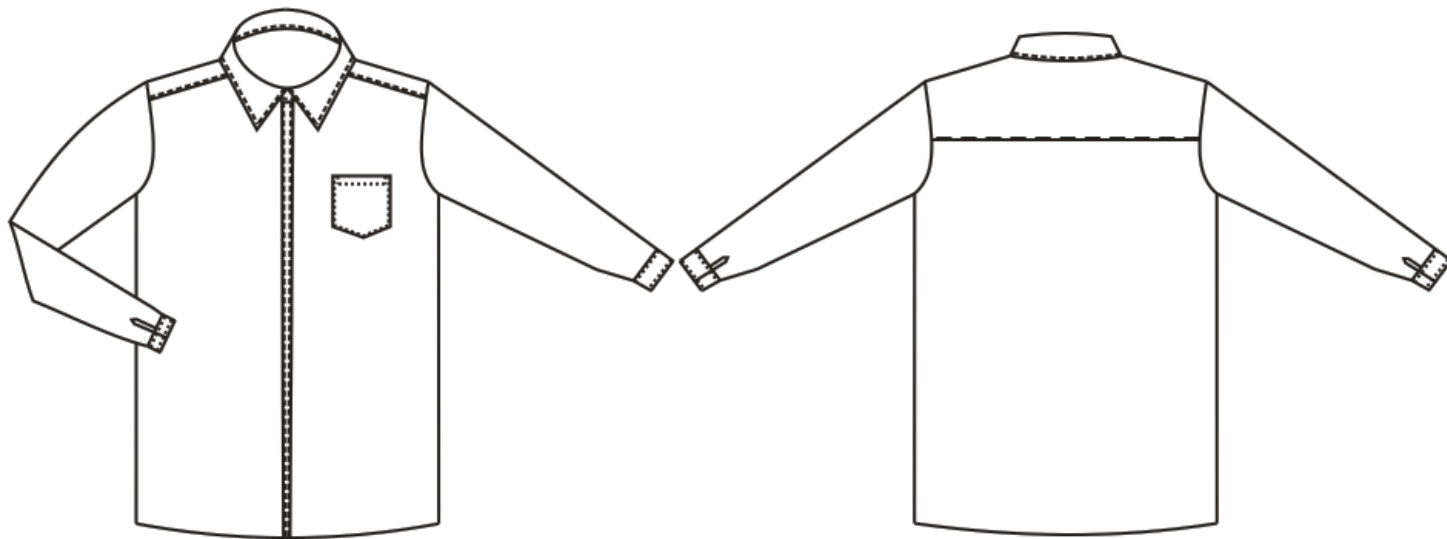
7.1.2 Về kỹ năng

Sinh viên vẽ chính xác các đường cong, đường thẳng của chi tiết sản phẩm theo đúng kỹ thuật, đúng trình tự.

7.1.3 Về thái độ

Sinh viên tích cực học tập, có ý thức lựa chọn và vận dụng phương pháp học tập hiệu quả cho bản thân.

7.2 ĐẶC ĐIỂM HÌNH DÁNG:



Hình 7.2 Hình dáng sản phẩm

7.3 NI MẪU:

Dài áo : 70 cm

Ngang vai : 40 cm

Dài tay :

Tay dài : 58 cm.

Tay ngắn : 26 cm.

Rộng tay : 26 cm.

Cửa tay : 13 cm.

Vòng cổ : 37 cm.

Vòng ngực : 84 cm.

7.4 CÁCH VẼ:

7.4.1 THÂN TRƯỚC:

Xếp 2 biên vải trùng nhau, mặt úp mặt, biên vải quay về phía người cắt, từ biên vải đo vào 4 cm làm nếp, 1,5 cm khuy nút, vẽ lại phía tay trái, vẽ cổ phía tay phải

- AB : Dài áo = Số đo – chòm vai (3 cm).

- AC : Ngang vai = $\frac{1}{2}$ Vai – 1 cm.

- AA₁ : Vào cổ trước = $\frac{1}{6}$ Cổ – 1 cm.

- AA₂ : Hạ cổ = $\frac{1}{6}$ Cổ + 1 cm.

- CC₁ : Hạ vai = $\frac{1}{10}$ Vai + 1 cm.

- AD : Hạ ngực = $\frac{1}{4}$ Ngực + 1 cm.

- DN : Ngang ngực = $\frac{1}{4}$ Ngực + 4 cm.

- BM : Ngang hông = Ngang ngực.

- BB₁ : Sa vạt = 1,5 cm.

- Giảm sườn áo 1 cm.

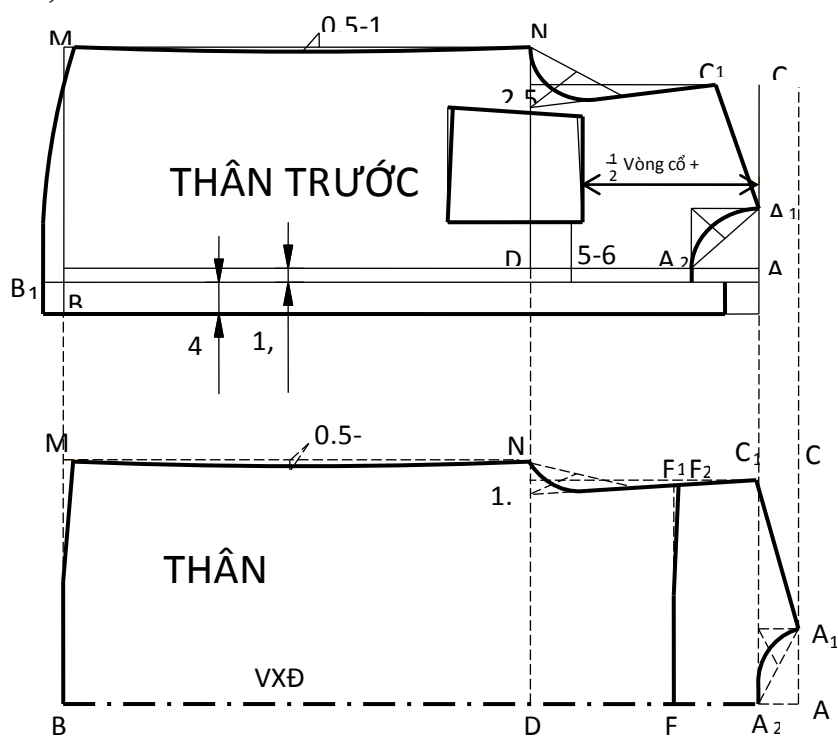
7.4.2 THÂN SAU:

Đo từ mép vải đo vào $\frac{1}{4}$ ngực + 4 cm + 1,5 cm chừa đường may, vải mặt trái, sóng vải xếp đôi quay về phía người cắt.

- AB : Dài áo = Số đo + chòm vai (3 cm).
- AC : Ngang vai = $\frac{1}{2}$ Vai + 1 cm.
- AA₁ : Vào cổ sau = $\frac{1}{6}$ Cổ + 1 cm.
- AA₂ : Hạ cổ = Chòm vai (3 cm) + 1 cm
- CC₁ : Hạ vai = 4 cm.
- AD : Hạ nách = $\frac{1}{4}$ Ngực + 7 cm.
- DN : Ngang ngực = Ngang ngực TT.
- BM : Ngang mông = Ngang ngực.
- Giảm sườn áo 1 cm.

7.4.3 ĐỒ ÁO:

- AF = 12 cm.
- F vẽ $\perp$ F₁.
- F₁F₂ = 0,5 cm.

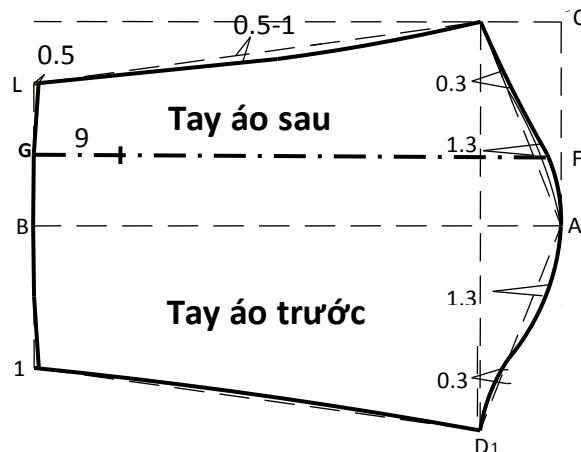


Hình 7.3 Thân trước, thân sau

7.4.4 TAY ÁO :

Từ mép vải đo vào $\frac{1}{4}$ ngực + 2 cm + 1.5 cm chừa đường may, xếp đôi vải ,
sóng vải xếp đôi quay về phía người cắt.

- AB : Dài tay (tay dài) = Số đo – 5 cm (Manchette).
- AB₁ : Dài tay (tay ngắn) = Số đo.
- AC : Ngang tay = $\frac{1}{4}$ Ngực.
- CD : Hạ nách tay = $\frac{1}{10}$ Ngực + 2 cm.
- B₁L₁ : Cửa tay (tay ngắn) = AC – 3 cm.
- BL : Cửa tay (tay dài) = $\frac{1}{2}$ Nắm tay + 2 cm (ply).
- Giảm lai 1 cm (tay ngắn).
- Giảm lai 0.5 cm (tay dài).
- Giảm sườn tay dài 0.5 cm.
- Giảm nách tay trước 0.5 cm.



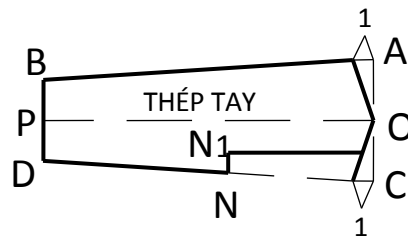
Hình 7.4 Tay áo

7.4.5 Trụ tay:

- Xẻ trụ tay (tay sau).
- O là điểm giữa BL.
- $OP = 9 \text{ cm}$.

7.4.6 Thép tay

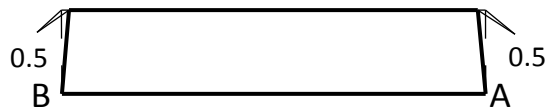
- $OP = 16 \text{ cm}$.
- $AC = 6 \text{ cm}$.
- $BD = 4 \text{ cm}$.
- $DN = 10.5 \text{ cm}$.
- $NN_1 = 0.5 \text{ cm}$.



Hình 7.5 Thép tay

7.4.7 Manches:

- AB : Dài manches = $\frac{1}{2}$ Rộng tay.
- AC : To bản manches = 5 cm .



Hình 7.6 Manches

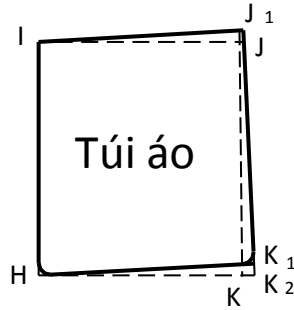
7.4.8 TÚI Áo:

- IJ : Miệng túi = $\frac{1}{4}$ Vai + 1 cm .
- IH : Dài túi = Miệng túi + 1.5 cm .
- HK : Đáy túi = Miệng túi.

- $KK_1 = 0.5 \text{ cm.}$

- $JJ_1 = K_1 K_2 = 0.5 \text{ cm.}$

- Vị trí gắn túi: Thân trước bên trái người mặc, từ A_1 xuống $\frac{1}{2}$ Vòng cổ + 0.5 cm, cách nếp áo 6 cm.



Hình 7.7 Túi áo

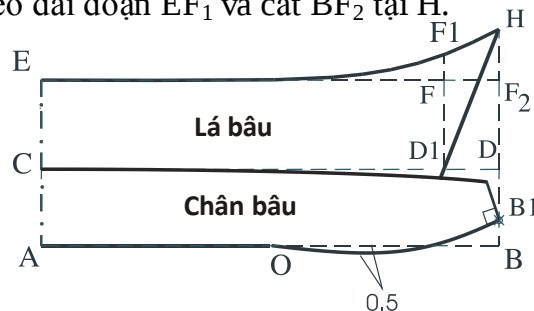
7.4.9 BÂU ÁO :

7.4.9.1 Chân bâu:

- AB: Dài bâu = $\frac{1}{2}$ Vòng cổ áo.
- AC: To bản bâu = 3cm.
- O là trung điểm AB.
- $BB_1 = 1 \text{ cm.}$
- Từ B_1 , dựng đường thẳng $\perp$ dài 2cm $\rightarrow B_1D = 2 \text{ cm.}$
- $DD_1 = 1.5 \text{ cm}$

7.4.9.2 Lá bâu:

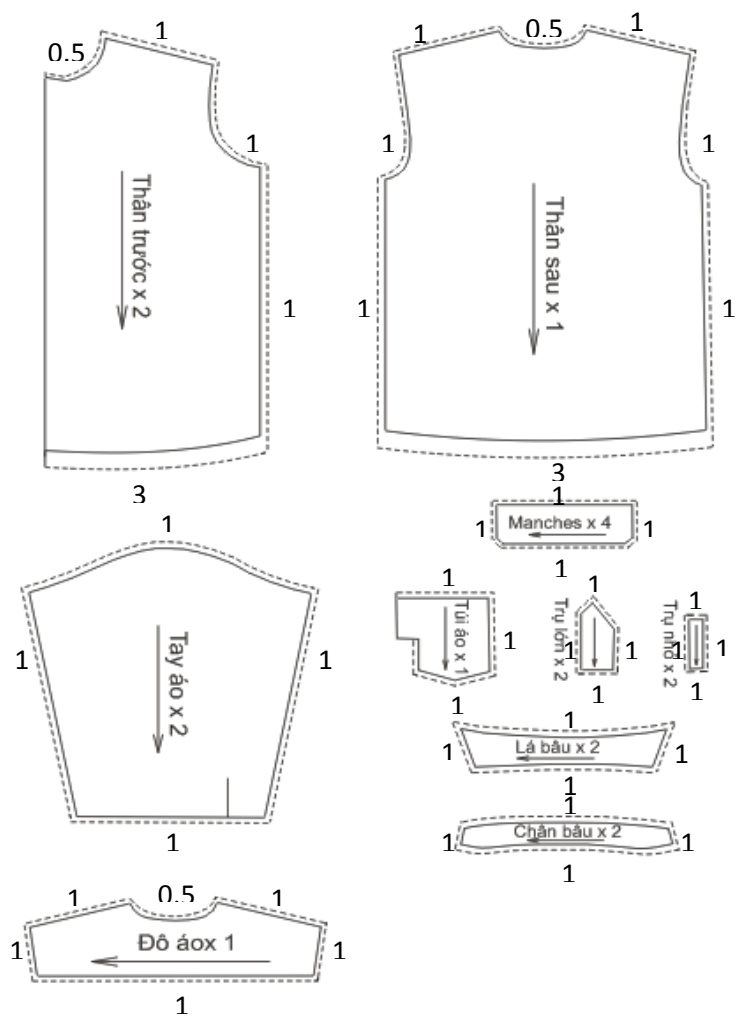
- Vẽ dựa theo chân bâu.
- CE : To bản bâu = $AC + 0.5 \text{ cm.}$
- Vẽ hình chữ nhật CD_1FE .
- Từ F, kéo dài 1 đoạn $FF_1 = 1 \rightarrow 2 \text{ cm.}$
- Vẽ $BF_2 \parallel AE$.
- Kéo dài đoạn EF_1 và cắt BF_2 tại H.



Hình 7.8 Lá bâu, chân bâu

7.5 QUI CÁCH CHỮA ĐƯỜNG MAY:

- Vòng cổ chữa 0.5cm.
- Vai chữa 1cm.
- Vòng nách thân chữa 1cm.
- Đường sườn thân chữa 1cm.
- Lai thân chữa 3cm.
- Vòng nách tay chữa 1cm.
- Đường sườn tay chữa 1cm.
- Lai tay chữa 1cm.
- Lá bầu chữa 1cm.
- Chân bầu chữa 1cm.
- Túi chữa 1 cm.
- Trụ lớn chữa 1cm.
- Trụ nhỏ chữa 1cm.
- Manches chữa 1cm.
- Đò áo chữa 0.5cm phần cổ, các đường còn lại chữa 1cm.



Hình 7.9 Qui cách chừa đường may

Bài tập luyện tập:

Thiết kế áo chemise nam căn bản bâu tenant.

- Tỷ lệ 1:5 trên giấy A4.
- Tỷ lệ 1:1 trên giấy rập cứng.

Với ni mẫu như sau:

Dài áo : 70 cm

Ngang vai : 40 cm

Dài tay :

Tay dài : 58 cm.

Tay ngắn : 26 cm.

Rộng tay : 26 cm.

Cửa tay : 13 cm.

Vòng cổ : 37 cm.

Vòng ngực : 84 cm.